

**Công ty Cổ phần Dầu khí  
Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

# Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 24

# Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 số 3601010336 cấp ngày 24 tháng 2 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hoà	Thành viên
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàn Sơn.

Ông Hoàng Sỹ Quyết được Ông Phạm Hoàn Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 58/UQ-PAP ngày 14 tháng 3 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 61606839/22730838/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty"), được lập ngày 6 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

# Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hoàng Sỹ Quyết  
Tổng Giám đốc

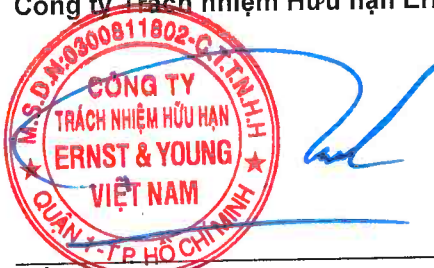
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 8 năm 2021

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 8 năm 2021

TR  
ER  
VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

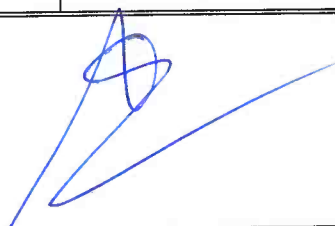
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>66.184.232.850</b>	<b>53.082.042.684</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>60.842.205.643</b>	<b>46.752.285.141</b>
111	1. Tiền		6.722.205.643	1.632.285.141
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.120.000.000	45.120.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.941.849.768</b>	<b>5.745.669.716</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.950.805.000	5.301.840.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	991.044.768	443.829.716
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.400.177.439</b>	<b>584.087.827</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		63.478.029	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.239.107.102	551.260.368
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	97.592.308	32.827.459
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.525.894.279.948</b>	<b>1.223.386.796.921</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.871.366.000</b>	<b>3.871.366.000</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	3.861.366.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.518.208.359</b>	<b>2.103.796.418</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	5.518.208.359	2.103.796.418
222	Nguyên giá		10.132.022.180	6.320.113.089
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.613.813.821)	(4.216.316.671)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		41.733.000	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.733.000)	(41.733.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.516.504.705.589</b>	<b>1.217.411.634.503</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.516.504.705.589	1.217.411.634.503
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.592.078.512.798</b>	<b>1.276.468.839.605</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>70.722.826.077</b>	<b>165.944.727.015</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>70.722.826.077</b>	<b>165.944.727.015</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		133.200.000	133.200.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	-	148.870.936
314	3. Phải trả người lao động		304.016.349	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	11	13.458.741.330	15.138.487.681
320	5. Vay ngắn hạn	12	55.000.000.000	148.631.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.826.868.398	1.893.168.398
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.521.355.686.721</b>	<b>1.110.524.112.590</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>1.521.355.686.721</b>	<b>1.110.524.112.590</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.500.000.000.000	1.100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.500.000.000.000	1.100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.934.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	5. Lỗ lũy kế		(1.933.884.285)	(831.458.416)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(831.458.416)	(14.772.126.585)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuần kỳ này		(1.102.425.869)	13.940.668.169
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.592.078.512.798</b>	<b>1.276.468.839.605</b>

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Hoàng Sỹ Quyết  
Tổng Giám đốc

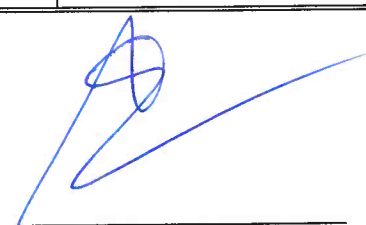
Ngày 6 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	14	320.835.190	24.622.153.621
26	2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	(928.261.059)	(7.782.250.229)
30	3. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(607.425.869)	16.839.903.392
32	4. Chi phí khác	16	(495.000.000)	-
40	5. Lỗ khác		(495.000.000)	-
50	6. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.102.425.869)	16.839.903.392
51	7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	-	-
60	8. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.102.425.869)	16.839.903.392
70	9. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.5	(8)	153
71	10. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.5	(8)	153

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Hoàng Sỹ Quyết  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

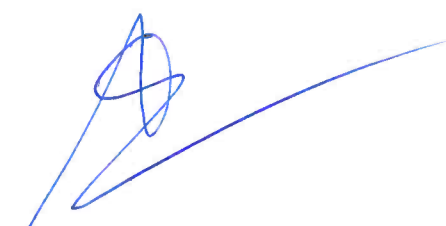
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(1.102.425.869)</b>	<b>16.839.903.392</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7	397.497.150	344.679.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(320.835.190)	(24.622.153.621)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.025.763.909)</b>	<b>(7.437.571.229)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.343.527.128)	926.478.707
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.524.600.938)	501.235.859
12	Tăng chi phí trả trước		(63.478.029)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(66.300.000)	(177.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.023.670.004)</b>	<b>(6.186.856.663)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(300.553.945.177)	(822.684.681.818)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	150.000.000.000
27	Tiền thu lãi và cổ tức		364.535.683	26.572.316.249
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(300.189.409.494)</b>	<b>(646.112.365.569)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	13.1	411.934.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	12	55.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	12	(148.631.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>318.303.000.000</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		14.089.920.502	(652.299.222.232)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.752.285.141	719.960.366.559
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	60.842.205.643	67.661.144.327

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Hoàng Sĩ Quyết  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 số 3601010336 cấp ngày 24 tháng 2 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 17 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 30).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	1 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.14 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	161.836.491	122.767.082
Tiền gửi ngân hàng	6.560.369.152	1.509.518.059
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>54.120.000.000</u>	<u>45.120.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.842.205.643</u></b>	<b><u>46.752.285.141</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất là 3,20%/năm.

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.950.805.000</b>	<b>5.301.840.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật biển	1.282.930.000	734.030.000
Công ty TNHH MTV Môi Trường Phước An Khang	659.175.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	552.000.000	552.000.000
Công ty TNHH Kiên Giang Composite	-	3.280.000.000
Khác	456.700.000	735.810.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.861.366.000</b>	<b>3.861.366.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn	3.861.366.000	3.861.366.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.812.171.000</u></b>	<b><u>9.163.206.000</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>991.044.768</b>	<b>443.829.716</b>
Lãi tiền gửi	294.024.768	337.725.260
Tạm ứng	590.920.000	-
Khác	106.100.000	106.104.456
<b>Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.001.044.768</u></b>	<b><u>453.829.716</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.908.403.636	2.060.751.818	350.957.635	6.320.113.089
Mua mới	-	3.811.909.091	-	3.811.909.091
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.908.403.636	5.872.660.909	350.957.635	10.132.022.180
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	2.003.751.818	320.693.999	2.324.445.817
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(1.845.635.056)	(2.028.858.945)	(341.822.670)	(4.216.316.671)
Khấu hao trong kỳ	(325.700.304)	(62.661.881)	(9.134.965)	(397.497.150)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(2.171.335.360)	(2.091.520.826)	(350.957.635)	(4.613.813.821)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.062.768.580	31.892.873	9.134.965	2.103.796.418
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.737.068.276	3.781.140.083	-	5.518.208.359

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	1.388.140.240.292	1.098.411.807.292
Chi phí triển khai dự án	47.110.866.870	44.362.003.836
Thiết kế bản vẽ thi công	20.843.734.534	18.511.134.534
Rà soát bom mìn	17.815.764.040	16.100.764.040
Khảo sát địa chất	15.864.651.865	15.864.651.865
Lập dự án đầu tư	11.458.463.203	11.458.463.203
Khác	15.270.984.785	12.702.809.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.516.504.705.589</b>	<b>1.217.411.634.503</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã chuyển 289.728.433.000 VND cho Trung tâm Phát triển Quý đất Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng theo Công văn Số 35/TTPTQĐ ngày 29 tháng 1 năm 2021, Công văn Số 188/TTPTQĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, Công văn Số 249/TTPTQĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 và một số khác.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền là 1.739.343.397 VND (2020: không)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (*)		
Giá gốc	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>(8.000.000.000)</u>
Giá trị còn lại	<u>                                -</u>	<u>                                -</u>

(\*) Công ty sở hữu 10% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("SOPEWACO"), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3601050089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 9 năm 2008. SOPEWACO có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, SOPEWACO đang dừng hoạt động.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Thuế thu nhập cá nhân	148.870.936	52.817.973	(266.453.758)	(64.764.849)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(32.827.459)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(32.827.459)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>116.043.477</u></b>	<b><u>52.817.973</u></b>	<b><u>(266.453.758)</u></b>	<b><u>(97.592.308)</u></b>
Trong đó:				
Phải thu	32.827.459			97.592.308
Phải trả	148.870.936			-

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	13.345.884.000	13.345.884.000
Lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 18)	-	1.703.582.576
Khác	<u>112.857.330</u>	<u>89.021.105</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.458.741.330</u></b>	<b><u>15.138.487.681</u></b>

(\*) Khoản này thể hiện phần nhận vốn góp từ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương theo HĐHTKD Số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 8 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. VAY NGẮN HẠN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vay bên liên quan	148.631.000.000	-	(148.631.000.000)	-
Vay bên khác	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>148.631.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>(148.631.000.000)</b>	<b>55.000.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn</b>				
Khoản vay 1	<u>55.000.000.000</u>	Ngày 29 tháng 6 năm 2022	9	Tài trợ Dự án Cảng Phước An

# Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
							VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.100.000.000.000	9.285.641.372	-	2.069.929.634	(14.772.126.585)		1.096.583.444.421
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	16.839.903.392		16.839.903.392
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.100.000.000.000	9.285.641.372	-	2.069.929.634	2.067.776.807		1.113.423.347.813
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.100.000.000.000	9.285.641.372	-	2.069.929.634	(831.458.416)		1.110.524.112.590
Phát hành cổ phần (*)	400.000.000.000	-	11.934.000.000	-	-		411.934.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(1.102.425.869)		(1.102.425.869)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.500.000.000.000	9.285.641.372	11.934.000.000	2.069.929.634	(1.933.884.285)		1.521.355.686.721

(\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 153/NQ-PAP ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thông qua kết quả phát hành 40.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư cá nhân, với giá phát hành là 10.300 VND/cổ phiếu. Vào ngày 24 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 8 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>	
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	66.000.000	44,00	66.000.000	60,00
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	23,33	35.000.000	31,82
Cổ đông khác	49.000.000	32,67	9.000.000	8,18
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.000.000</b>	<b>100</b>	<b>110.000.000</b>	<b>100</b>

**13.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Phát hành cổ phiếu	400.000.000.000	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>1.500.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

**13.4 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	150.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	150.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	150.000.000	110.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(1.102.425.869)</b>	<b>16.839.903.392</b>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>144.222.222</u>	<u>110.000.000</u>
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ</b>	<b><u>144.222.222</u></b>	<b><u>110.000.000</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8)	153
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(8)	153

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi tiền gửi	320.835.190	14.622.153.621
Cổ tức	-	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>320.835.190</u></b>	<b><u>24.622.153.621</u></b>

**15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.230.336	1.987.809.891
Khấu hao	334.835.269	344.679.000
Chi phí lương	66.000.000	5.357.724.564
Khác	57.195.454	92.036.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>928.261.059</u></b>	<b><u>7.782.250.229</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Phạt vi phạm hành chính	<u>495.000.000</u>	<u>-</u>

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**17.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>(1.102.425.869)</u></b>	<b><u>16.839.903.392</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(220.485.174)	3.367.980.678
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	112.200.000	6.600.000
Cổ tức	-	(2.000.000.000)
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	-	(1.374.580.678)
Thuế hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ chuyển sang các năm sau	<u>108.285.174</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**17.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**17.3 Lỗ thuế chuyển sang năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.449.458.863 VND (31 tháng 12 năm 2020: 9.908.032.994 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
2018	2023	12.930.119.055	(3.022.086.061)	9.908.032.994
2021	2026	541.425.869	-	541.425.869
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.471.544.924</b>	<b>(3.022.086.061)</b>	<b>10.449.458.863</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Trả nợ vay Lãi vay	148.631.000.000 2.353.663.507	- -

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Lãi vay	-	1.703.582.576
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Vay	-	148.631.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

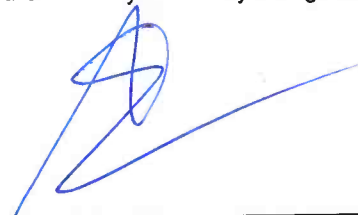
**18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch	16.200.000	16.200.000
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên/ Tổng Giám đốc	278.005.180	200.043.080
Đào Minh Tùng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	223.009.260	196.894.140
Trần Ngọc Dũng	Thành viên	16.200.000	16.200.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	16.200.000	16.200.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc	-	166.601.388
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	130.376.400	113.822.175
Đào Đức Mạnh	Thành viên	78.466.373	68.796.120
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên	10.800.000	10.800.000
		<b>769.257.213</b>	<b>805.556.903</b>

**19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

  
Dương Thị Tú Anh  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Hoàng Sỹ Quyết  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 8 năm 2021